



ĐỀ THI OLYMPIC HH&KHTN 2026
Môn thi: KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Nội dung: Chất và sự biến đổi của chất
Lớp 8

Thời gian làm bài: 90 phút;
(60 câu trắc nghiệm)

Mã đề thi: (Đề minh họa)

Họ, tên thí sinh:..... **Số báo danh:**

Cho $N_A = 6,022 \cdot 10^{23}$

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: $H = 1$; $N = 14$; $O = 16$; $Na = 23$; $Cl = 35,5$;
 $P = 31$; $K = 39$; $Ca = 40$; $S = 32$; $C = 12$; $Ba = 137$; $Al = 27$; $C = 12$;

Câu 1: Hiện tượng "thủy triều đen" thường được dùng để chỉ loại ô nhiễm môi trường nào sau đây?

- A. Ô nhiễm rác thải nhựa tại các bãi biển.
- B. Sự bùng nổ của tảo độc trong nước biển.
- C. Sự cố tràn dầu trên biển hoặc đại dương.
- D. Nước thải công nghiệp chưa qua xử lý đổ ra biển.

Câu 2: Một học sinh dùng pin để thắp sáng bóng đèn. Chuỗi chuyển hóa năng lượng đúng là

- A. Điện năng \rightarrow hóa năng \rightarrow quang năng.
- B. Hóa năng \rightarrow điện năng \rightarrow quang năng.
- C. Quang năng \rightarrow điện năng \rightarrow nhiệt năng.
- D. Nhiệt năng \rightarrow điện năng \rightarrow quang năng.

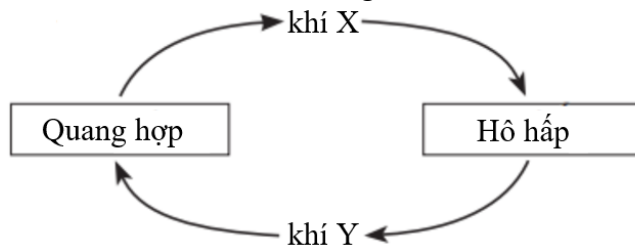
Câu 3: Một cây trồng trong nhà kính sinh trưởng nhanh hơn so với ngoài trời dù được tưới nước và chăm sóc giống nhau. Nguyên nhân nào sau đây giải thích hợp lý nhất?

- A. Nhà kính làm giảm cường độ ánh sáng.
- B. Nhà kính giữ nhiệt và tăng nồng độ CO_2 .
- C. Nhà kính làm giảm sự thoát hơi nước.
- D. Nhà kính ngăn cản sinh vật gây hại.

Câu 4: Trong thiết kế vật liệu sinh học, tại sao polymer phân hủy sinh học được ưu tiên sử dụng?

- A. Giá thành thấp.
- B. Dễ sản xuất.
- C. Giảm tác động môi trường lâu dài.
- D. Độ bền cao.

Câu 5: Quá trình trao đổi khí được biểu diễn bằng sơ đồ sau:



X, Y trong sơ đồ trên là

- A. O_2 và CO_2 .
- B. CO_2 và O_2 .
- C. O_2 và $C_6H_{12}O_6$.
- D. CO_2 và $C_6H_{12}O_6$.

Câu 6: Sắt là thành phần quan trọng cấu tạo nên hemoglobin trong máu. Nếu một người bị thiếu hụt nguyên tố sắt trong chế độ ăn uống, cơ thể sẽ gặp tình trạng nào sau đây?

- A. Xương bị giòn và dễ gãy.
- B. Khả năng vận chuyển oxygen của máu giảm, dẫn đến mệt mỏi, hoa mắt.
- C. Máu sẽ bị đông lại ngay trong mạch máu.
- D. Hoạt động của hệ tiêu hóa và hệ thần kinh bị rối loạn nghiêm trọng.

Câu 7: Đồng (khối lượng riêng $8,96 \text{ g/cm}^3$) và nhôm (khối lượng riêng $2,70 \text{ g/cm}^3$) là hai kim loại thường được sử dụng để làm dây dẫn điện. Tại sao đồng dẫn điện tốt hơn nhôm nhưng dây điện cao thế thường được làm bằng nhôm mà không làm bằng đồng?

- A. Vì nhôm dẫn điện kém hơn nên sẽ an toàn hơn cho người dân khi đi dưới đường dây điện.
- B. Vì nhôm nhẹ hơn đồng, giá thành rẻ hơn và không bị ăn mòn, giúp giảm tải trọng cho cột điện và tiết kiệm chi phí.
- C. Vì nhôm dẫn điện kém hơn đồng nên sẽ sinh ra ít nhiệt năng hơn, giúp dây điện không bị nóng chảy khi truyền tải điện cao thế.
- D. Vì đồng nặng hơn nên nó kém bền trong không khí.

Câu 8: Nitric acid là nguyên liệu quan trọng để sản xuất phân đạm và thuốc nổ. Trong công nghiệp, nó được sản xuất theo 3 giai đoạn của quá trình Ostwald. Trong giai đoạn đầu tiên, ammonia được oxi hóa theo phương trình hóa học: $\text{NH}_3 + \text{O}_2 \rightarrow \text{NO} + \text{H}_2\text{O}$

Tỉ lệ khối lượng của ammonia và oxygen trong phản ứng trên là

- A. 17 : 40.
- B. 17 : 8.
- C. 17 : 20.
- D. 17 : 32.

Câu 9: Dioxin là một chất độc mạnh và có khả năng tồn tại lâu dài trong môi trường. Nó phân hủy rất chậm trong đất, mất 8 năm để giảm đi một nửa lượng dioxin. Nếu một mảnh đất chứa 256×10^{-6} gam dioxin, thì phải mất bao lâu để lượng dioxin còn lại là 10^{-6} gam?

- A. 48 năm.
- B. 56 năm.
- C. 64 năm.
- D. 72 năm.

Câu 10: Trộn lẫn dung dịch sodium sulfate và dung dịch barium chloride thu được chất rắn X. Chất rắn X và quá trình được sử dụng để tách chất rắn X khỏi hỗn hợp sau phản ứng lần lượt là

- A. BaSO_4 , lọc.
- B. BaSO_4 , kết tủa.
- C. NaCl , cô cạn.
- D. BaSO_4 , bay hơi.

Câu 11: Để thu được sodium chloride từ hỗn hợp rắn gồm cát và sodium chloride, ta thực hiện tuần tự các thao tác nào sau đây?

- A. Thêm nước → khuấy đều → cô cạn.
- B. Thêm nước → khuấy đều → lọc.
- C. Thêm nước → khuấy đều → lọc → cô cạn.
- D. Lọc → thêm nước → khuấy đều → cô cạn.

Câu 12: Ở 25°C , độ tan của NaCl là 36 gam/100 gam H_2O . Ở 25°C , 250 gam nước có thể hòa tan tối đa x mol NaCl . Giá trị của x gần nhất với

- A. 1 mol.
- B. 1,5 mol.
- C. 3 mol.
- D. 0,7 mol.

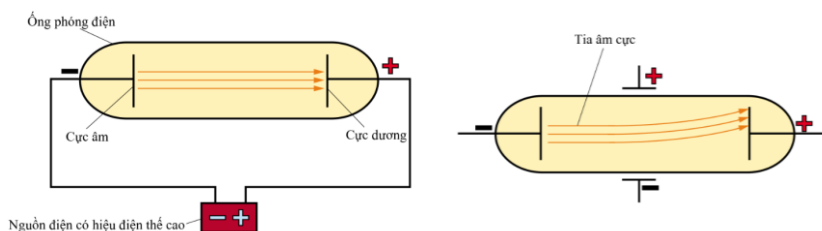
Câu 13: Cần cho thêm bao nhiêu gam KOH vào 200 gam dung dịch KOH 15% để thu được dung dịch có nồng độ 20%?

- A. 10 gam.
- B. 12,5 gam.
- C. 15 gam.
- D. 20 gam.

Câu 14: Người ta xử lí nước giếng để trở thành nước sinh hoạt. Quá trình này thường bao gồm các bước lắng, lọc và khử trùng.

Thứ tự đúng của các bước xử lí nước giếng là

đó đặt hai điện cực nối với nguồn hiệu điện thế cao. Ông quan sát thấy một dòng hạt chuyển động từ cực âm sang cực dương, gọi là tia âm cực. Khi đặt trong điện trường, tia âm cực bị lệch về phía bản cực tích điện dương (hình vẽ).



Tia âm cực được phát hiện trong thí nghiệm của J. J. Thomson là

- A. Dòng các nguyên tử trung hòa chuyển động trong ống.
- B. Dòng các ion dương chuyển động từ cực dương sang cực âm.
- C. Dòng các hạt mang điện âm chuyển động từ cực âm sang cực dương.
- D. Dòng các neutron chuyển động trong điện trường.

Câu 22: Lithium ($Z=3$), sodium ($Z=11$) và potassium ($Z=19$) là ba nguyên tố kế tiếp nhau trong nhóm IA của bảng tuần hoàn.

Cho các phát biểu sau:

- (1) Công thức của lithium oxide là Li_2O .
- (2) Nguyên tử sodium có 1 electron ở lớp ngoài cùng.
- (3) Ba nguyên tố trên có tính chất hóa học tương tự nhau.
- (4) Potassium nằm ở chu kì 3 trong bảng tuần hoàn.

Trong các phát biểu trên có bao nhiêu phát biểu đúng?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 23: Nguyên tử của nguyên tố X có điện tích hạt nhân là +14. Vị trí của X trong bảng tuần hoàn là

- A. chu kì 2, nhóm IVA.
- B. chu kì 3, nhóm VIA.
- C. chu kì 3, nhóm IVA.
- D. chu kì 2, nhóm IIA.

Câu 24: Các nguyên tố Q và R nằm ở các vị trí như trong bảng tuần hoàn như sau:

		Q																	

Phát biểu nào sau đây về Q và R là đúng?

- A. Hai nguyên tố Q và R ở hai chu kì liên tiếp nhau.
- B. Q và R là hai nguyên tố kim loại.
- C. Công thức của hợp chất tạo bởi hai nguyên tố trên là Q_2R_5 .
- D. Hợp chất tạo bởi Q và R là hợp chất cộng hóa trị.

Câu 25: Phân tử X được tạo bởi một nguyên tử C (6 proton) và 2 nguyên tử O (mỗi nguyên tử có 8 proton). Tổng số electron dùng chung trong phân tử X là

- A. 16.
- B. 22.
- C. 14.
- D. 8.

Câu 26: Cho các hợp chất: CaSO_4 (1); NaCl (2); $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$ (3); K_2SO_4 (4). Hợp chất nào sau đây có % khối lượng kim loại lớn nhất?

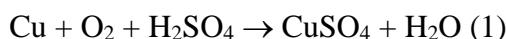
- A. CaSO_4 . B. NaCl . C. $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$. D. K_2SO_4 .

Câu 27: Phân tử X được tạo thành từ 3 nguyên tử C và x nguyên tử H. Giá trị lớn nhất của x là bao nhiêu?

- A. 6. B. 7. C. 8. D. 10.

Câu 28: Copper (II) sulfate được sử dụng làm phân bón, thuốc kháng nấm và để diệt rêu – tảo. Chất này có thể được điều chế từ đồng phế liệu theo hai cách:

Cách 1: sản xuất chủ yếu sử dụng từ nguồn nguyên liệu tái chế. Phế liệu được tinh chế cùng kim loại nóng chảy được đổ vào nước để tạo thành những mảnh xốp. Hỗn hợp này được hòa tan trong dung dịch sulfuric acid loãng trong không khí theo phương trình hóa học:



Cách 2: cho đồng phế liệu tác dụng với dung dịch sulfuric acid đặc, nóng theo phương trình hóa học:



Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Cách (1) ít làm ô nhiễm môi trường hơn cách (2).
B. Với cùng một lượng đồng phế liệu sử dụng, cách thứ (1) điều chế được nhiều CuSO_4 hơn cách thứ (2).
C. Tổng hệ số (nguyên, tối giản) của phản ứng (1) là 9.
D. Tỷ lệ mol của H_2SO_4 và Cu ở phản ứng (2) lớn hơn ở phản ứng (1)

Câu 29: Lần lượt thêm các chất rắn khác nhau như trong bảng dưới đây vào dung dịch hydrochloric acid loãng. Trường hợp nào sau đây mô tả **không** đúng kết quả thí nghiệm?

	Chất rắn	Kết quả
A.	magnesium	thu được khí không màu, nhẹ hơn không khí.
B.	copper	không xảy ra phản ứng.
C.	zinc oxide	chất rắn hòa tan mà không có bọt khí.
D.	calcium carbonate	thu được khí, đưa tàn que đóm còn cháy đỏ lại gần khí này, nó sẽ bùng cháy.

Câu 30: Trong sản xuất và đời sống, phản ứng tỏa nhiệt **không** được sử dụng trong ứng dụng nào sau đây?

- A. Đốt nhiên liệu để phát điện trong nhà máy nhiệt điện.
B. Cung cấp nhiệt cho lò nung gạch, xi măng.
C. Cung cấp năng lượng cho pin mặt trời hoạt động.
D. Cung cấp năng lượng cho động cơ đốt trong của ô tô.

Câu 31: Thực hiện thí nghiệm theo các bước như sau:

Bước 1: Cho một lượng nhỏ sodium carbonate vào ống nghiệm.

Bước 2: Nhỏ từ từ đến dư dung dịch nitric acid loãng vào ống nghiệm cho đến khi dung dịch không thay đổi.

Nhận định nào sau đây **không** đúng?

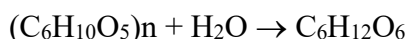
- A. Phản ứng trên chứng tỏ muối carbonate kém bền trong dung dịch acid.
B. Ở bước 2, ban đầu quan sát được nhiều bọt khí không màu thoát ra.

- A. 50,94 gam.
- B. 243,75 gam.
- C. 43,89 gam
- D. 37,81 gam.

Câu 37: Cho hai nguyên tử X ($Z = 19$) và Y ($Z = 17$). Đơn chất của X tác dụng với đơn chất của Y tạo thành hợp chất T. Công thức hóa học của T và liên kết trong phân tử T là

- A. XY; liên kết cộng hóa trị.
- B. XY; liên kết ion.
- C. X_2Y ; liên kết ion.
- D. XY_2 ; liên kết ion.

Câu 38: Lên men 16,2 kg tinh bột $((C_6H_{10}O_5)_n)$ để thu được 5,7 kg ethanol (rượu, C_2H_5OH). Phản ứng xảy ra qua hai giai đoạn chính



Hiệu suất của quá trình lên men gần nhất với kết quả nào sau đây?

- A. 70%.
- B. 35%.
- C. 62%.
- D. 68%.

Câu 39: Thực hiện thí nghiệm theo hai bước sau:

Bước 1: Đun nóng potassium với chlorine.

Bước 2: Hòa tan sản phẩm thu được vào nước thu được dung dịch X.

Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Ở bước 1, xảy ra phản ứng trong đó tỉ lệ mol của potassium và chlorine là 1:1.
- B. Ở bước 1 xảy ra phản ứng của hai đơn chất tạo thành một hợp chất.
- C. Sản phẩm thu được ở bước 1 có khối lượng phân tử là 74,5 amu.
- D. Dung dịch X có môi trường trung tính.

Câu 40: Nhận định nào sau đây về phản ứng giữa aluminium và dung dịch sulfuric acid là đúng?

- A. 27 gam aluminium phản ứng vừa đủ với 98 gam sulfuric acid.
- B. 13,5 gam aluminium tạo ra tối đa 171 gam aluminium sulfate.
- C. Cứ 1 phân tử sulfuric acid có thể tạo thành 1 phân tử aluminium sulfate.
- D. Thể tích hydrogen sinh ra (đkc) do 1 mol Al phản ứng không vượt quá 38 lít.

Câu 41: Phương trình hóa học nào sau đây đúng?

- A. $CO_2 + 2NaOH \rightarrow Na_2CO_3 + H_2$.
- B. $SO_2 + NaOH \rightarrow NaHSO_3$.
- C. $CO_2 + 2NaOH \rightarrow Na_2O + H_2CO_3$.
- D. $SO_2 + 2NaOH \rightarrow Na_2SO_4 + H_2$.

Câu 42: Calcium carbonate bị phân hủy ở nhiệt độ cao. Khối lượng calcium carbonate tối thiểu cần dùng để thu được 24,79 lít CO_2 (đkc) là

- A. 50 g.
- B. 75 g.
- C. 100 g.
- D. 112 g.

Câu 43: Việc cho giấm hoặc chanh vào thực phẩm nhằm những mục đích nào sau đây?

- (1) Làm giảm pH của thực phẩm.
- (2) Ức chế hoạt động của vi sinh vật.
- (3) Làm tăng tốc độ phản ứng phân hủy thực phẩm.
- (4) Làm tăng hàm lượng protein.

- A. (2), (3).
- B. Chỉ có (2).
- C. (1), (3).
- D. (1), (2).

Câu 44: Để tăng tốc độ phản ứng giữa kẽm và dung dịch hydrochloric acid loãng, có thể sử dụng các cách nào sau đây?

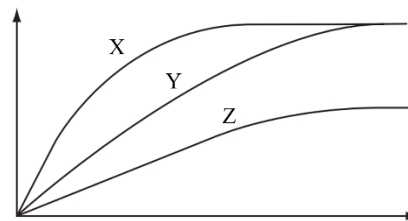
- (1) Nghiền nhỏ kẽm trước khi cho phản ứng.
 (2) Pha loãng dung dịch acid.
 (3) Tăng nhiệt độ phản ứng.
 (4) Giảm diện tích tiếp xúc giữa kẽm và dung dịch.

A. (1) và (3). B. (1) và (2). C. (2) và (4). D. (3) và (4).

Câu 45: Thực hiện các thí nghiệm trong cùng điều kiện nhiệt độ và áp suất như sau:

Thí nghiệm 1: cho kẽm (dạng bột mịn, lấy dư) vào 10 mL dung dịch hydrochloric acid loãng.

Thí nghiệm 2: cho kẽm (dạng viên, lấy dư) vào 10 mL dung dịch hydrochloric acid loãng cùng nồng độ.



Biểu diễn thể tích khí sinh ra (trục tung) theo thời gian (trục hoành) ở các thí nghiệm 1, 2 trên đồ thị. Đường biểu diễn kết quả thí nghiệm 1 và 2 lần lượt là

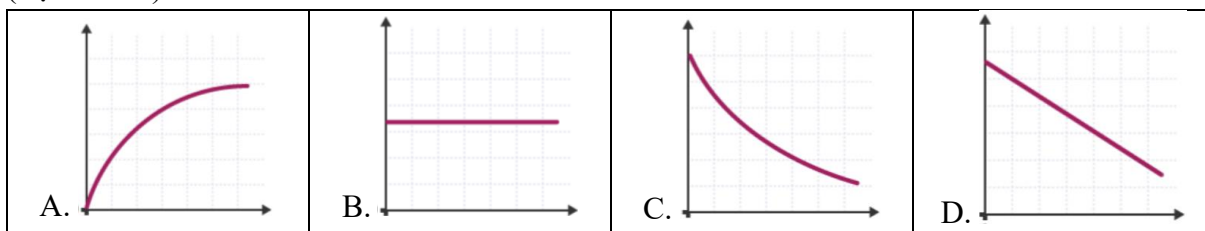
A. X, Z. B. X, Y. C. Y, Z. D. Y, X.

Câu 46: Trong quá trình đốt cháy nhiên liệu trong lò hơi công nghiệp, người ta thường thổi không khí nóng vào buồng đốt. Việc này nhằm tăng tốc độ phản ứng chủ yếu nhờ các yếu tố nào sau đây?

- A. Nhiệt độ và nồng độ oxygen. B. Áp suất và diện tích tiếp xúc.
 C. Nhiệt độ và diện tích tiếp xúc. D. Nồng độ và áp suất.

Câu 47: Sự phân hủy hydrogen peroxide được xúc tác bằng cách thêm một lượng nhỏ manganese (IV) oxide. Đồ thị nào sau đây biểu diễn khối lượng chất xúc tác khi phản ứng diễn ra?

Biết rằng các đồ thị đều biểu diễn khối lượng manganese (IV) oxide (trục tung) theo thời gian (trục hoành).



Câu 48: Trong quá trình luyện kim, quặng thường được nghiền nhỏ đến kích thước nhất định trước khi cho phản ứng. Mục đích chính của việc làm trên là

- A. Tăng diện tích tiếp xúc của quặng với chất phản ứng.
 B. Giảm khối lượng quặng.
 C. Giảm chi phí sản xuất.
 D. Làm quặng bền hơn.

Câu 49: Phản ứng của các dung dịch loãng nào sau đây **không** tạo ra kết tủa?

A. $\text{AgNO}_3 + \text{NaCl}$. B. $\text{NaOH} + \text{CH}_3\text{COOH}$. C. $\text{BaCl}_2 + \text{MgSO}_4$. D. $\text{FeCl}_3 + \text{NaOH}$.

Câu 50: Trường hợp nào sau đây xảy ra phản ứng hóa học và chỉ tạo thành dung dịch muối?

- A. Dung dịch sodium chloride và dung dịch lead(II) nitrate.
 B. Dung dịch sodium hydroxide và dung dịch phosphoric acid.
 C. Calcium carbonate và dung dịch sulfuric acid loãng dư.
 D. Dung dịch sodium hydroxide và dung dịch potassium nitrate.

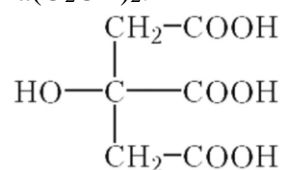
Câu 51: Cho 39,15 g muối barium (X) tác dụng với lượng dư dung dịch sodium sulfate, thu được 34,95 g kết tủa. Công thức của muối (X) là

- A. BaCl₂. B. Ba(NO₃)₂. C. BaBr₂. D. Ba(O₂CH)₂.

Câu 52: Citric acid có nhiều trong các loại quả như cam, chanh.

Công thức của citric acid được biểu diễn như hình bên.

Phát biểu nào sau đây **không** đúng?



- A. Dung dịch citric acid làm quỳ tím hóa đỏ.
B. Citric acid phản ứng với sodium carbonate tạo khí oxygen.
C. Citric acid tiếp xúc lâu dài có thể làm ăn mòn kim loại như sắt, nhôm.
D. Tỷ lệ số nguyên tử C, H, O trong phân tử citric acid là 6:8:7.

Câu 53: Dãy nào sau đây sắp xếp các dung dịch (có cùng nồng độ 0,01M) theo chiều pH tăng dần?

- A. HCl < NaCl < NaOH. B. HCl < NaOH < NaCl.
C. NaCl < NaOH < HCl. D. NaCl < HCl < NaOH.

Câu 54: Trường hợp nào sau đây mô tả đúng hiện tượng thí nghiệm?

- A. Nhỏ dung dịch nitric acid vào magnesium oxide thấy chất rắn tan dần, không có khí thoát ra.
B. Nhỏ dung dịch sulfuric acid loãng vào copper thấy kim loại tan ra, sủi bọt khí và thu được dung dịch màu xanh nhạt.
C. Nhỏ dung dịch hydrochloric acid vào iron(III) hydroxide thấy dung dịch sủi bọt khí đồng thời chất rắn tan ra.
D. Nhỏ dung dịch nitric acid và calcium carbonate thấy dung dịch sủi bọt khí, đồng thời sinh ra kết tủa trắng.

Câu 55: Nung nóng hỗn hợp gồm 56 gam bột Fe và 16 gam bột S trong điều kiện không có oxygen đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng tối đa của hợp chất tạo thành là

- A. 22 gam. B. 88 gam. C. 44 gam. D. 72 gam.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Sodium hydroxide không thể dùng để làm khô chất khí nitrogen có lẫn hơi nước vì nó có tính hút ẩm mạnh và không tác dụng với nitrogen.
B. Sodium hydroxide có thể dùng để làm khô chất khí nitrogen có lẫn hơi nước vì nó có tính hút ẩm mạnh và không tác dụng với nitrogen.
C. Sodium hydroxide không thể dùng để làm khô chất khí nitrogen có lẫn hơi nước vì nó có tính hút ẩm mạnh và tác dụng được với nitrogen.
D. Sodium hydroxide có thể dùng để làm khô chất khí nitrogen có lẫn hơi nước vì nó có không có tính hút ẩm và tác dụng được với nitrogen.

Câu 57: Có thể phân biệt dung dịch sodium chloride và sodium sulfate bằng cách nào và vì sao?

- A. Dùng dung dịch sodium hydroxide vì nó phản ứng với sodium sulfate (tạo kết tủa trắng) nhưng không phản ứng với sodium chloride.
B. Dùng dung dịch hydrochloric acid vì nó phản ứng với sodium sulfate (làm sủi bọt khí) nhưng không phản ứng với sodium chloride.
C. Dùng dung dịch barium chloride vì nó phản ứng với sodium sulfate (tạo kết tủa trắng) nhưng không phản ứng với sodium chloride.

D. Dùng dung dịch potassium nitrate vì nó phản ứng với sodium chloride (tạo kết tủa trắng) nhưng không phản ứng với sodium sulfate.

Câu 58: Người ta điều chế sulfur bằng cách thực hiện phản ứng giữa 130 mL dung dịch $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$ 0,45M và 400 mL dung dịch HCl 0,15M. Phương trình hóa học của phản ứng:



Kết thúc phản ứng thu được 0,89 gam sulfur. Hiệu suất của phản ứng gần nhất với kết quả nào sau đây?

- A. 46%. B. 48%. C. 40%. D. 93%.

Câu 59: Sau khi lắp đặt hệ thống lọc khí thải, nồng độ SO_2 tại một trạm quan trắc giảm từ $360 \mu\text{g}/\text{m}^3$ xuống còn $320 \mu\text{g}/\text{m}^3$. Hiệu suất giảm thiểu (phần trăm giảm) nồng độ SO_2 gần nhất với kết quả nào sau đây?

- A. 11,11%. B. 1,25%. C. 1,11%. D. 12,5%.

Câu 60: Sữa magie được dùng để điều trị chứng khó tiêu hoặc táo bón nhẹ. Thành phần hoạt chất trong sữa magie là magnesium hydroxide. Lấy một mẫu sữa magie (mỗi 15 mL sản phẩm chứa: 1200 mg magnesium hydroxide) và thực hiện thí nghiệm như sau:

Bước 1: Lấy khoảng 5 mL sữa magie vào ống đong, thêm tiếp nước cho đến khi chất lỏng đạt 20 mL lắc đều.

Bước 2: Lấy 5 mL chất lỏng cho vào ống nghiệm.

Bước 3: Thêm tiếp từ từ đến dư dung dịch HCl 0,01M vào ống nghiệm.

Nhận xét nào sau đây đúng?

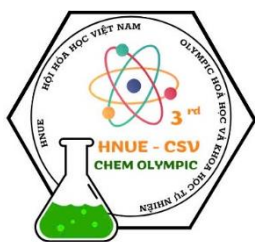
- (1) Sữa magie là một huyền phù.
- (2) Trong 5 mL sữa magie chứa nhiều hơn 6,8 mol magnesium hydroxide.
- (3) Sau bước 2, lượng magnesium hydroxide trong ống nghiệm bằng 1/3 lượng magnesium hydroxide trong ống nghiệm ở bước 1.
- (4) Kết thúc bước 3, xuất hiện nhiều chất rắn hơn.
- (5) Thể tích HCl tối thiểu để hòa tan hết magnesium hydroxide ở bước 3 phải lớn hơn 344 mL.

Các nhận xét đúng là

- A. chỉ có (1), (5). B. (1), (2), (5). C. chỉ có (2), (3). D. (2), (3), (5).

Ghi chú: Thí sinh không được phép sử dụng tài liệu

----- HẾT -----



ĐỀ THI OLYMPIC KHTN & HH 2026
Môn thi: KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Nội dung: Chất và sự biến đổi của chất
Lớp 8

(Đề minh họa) (ĐÁP ÁN)

1. C	2. B	3. B	4. C	5. A	6. B	7. B	8. A	9. C	10. A
11. C	12. B	13. B	14. C	15. C	16. C	17. C	18. D	19. B	20. B
21. C	22. C	23. C	24. A	25. D	26. D	27. C	28. B	29. D	30. C
31. C	32. D	33. C	34. B	35. C	36. D	37. B	38. C	39. A	40. D
41. B	42. C	43. D	44. A	45. B	46. A	47. B	48. A	49. B	50. B
51. B	52. B	53. A	54. A	55. C	56. B	57. C	58. D	59. A	60. B